TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BẮC TỪ LIÊM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số**: 16**/2018/ HNGĐ-ST
Ngày: 24/5/2018
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy Hạnh – Thẩm phán;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Tạ Quang Hiên;
2. Ông Hoàng Văn Tính.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Liên – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm *tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Nam Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 78/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2018 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2018/QĐXX-ST ngày 08 Tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1975*
- *Bị đơn: Anh Chu Văn H, sinh năm 1974.*

Cùng HKTT và cư trú: đường Đ, phường C, quận B, thành phố Hà Nội.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 29/12/2018 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Chu Văn H xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 28/3/1999 tại UBND xã C nay là phường C, quận B, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với nhau vui vẻ hòa thuận, hạnh phúc cho đến năm 2008 thì giữa anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã lẫn nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H ngoại tình, sau đó anh H có sửa sai, chấm dứt mối quan hệ ngoài luồng. Mặc dù anh H đã sửa sai, nhưng tình cảm vợ chồng giữa hai người không còn mặn nồng như trước mà có khoảng cách với nhau. Đến năm 2016, anh H tiếp tục có quan hệ bất chính với một người khác ở huyện Đ, nhưng đến tận tháng

3 năm 2017 chị mới phát hiện ra mối quan hệ đó, nhưng chị vẫn nín nhịn để gìn giữ gia đình vì nghĩ thương các con và chị lại cho anh cơ hội để sửa sai. Anh H có hứa sẽ sửa sai nhưng hứa hết lần này đến lần khác đều không có sự thay đổi. Thậm chí, có lần anh H còn đánh đuổi chị T ra khỏi nhà. Đến tháng 12/2017 chị không chịu đựng được nữa, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Các con chị sống trong một gia đình mà bố mẹ không hạnh phúc, vui vẻ, thường xuyên các con phải chứng kiến cảnh bố mẹ cãi vã lẫn nhau sẽ ảnh hưởng đến sự phát triên tâm sinh lý, nhận thức và tính cách của các con, vì vậy chị T quyết định làm đơn xin ly hôn. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Chu Văn H.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung là cháu Chu Minh H sinh ngày 25/12/2000, cháu Chu Minh A sinh ngày 11/5/2011 và cháu Chu Đức A sinh ngày 21/9/2013. Hiện tại các cháu đều đang ở với chị, ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả 03 con chung và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con 8.000.000 đồng/tháng. Nếu cháu lớn ở với bố thì chị T vẫn đề nghị anh H cấp dưỡng nuôi con 8.000.000 đồng/tháng. Hiện tại, chị đang làm giáo viên trường trung học phổ thông P, về môi trường chị đảm bảo nuôi dạy các con. Hiện nay bốn mẹ con chị đã thuê nhà ở ổn định, bản thân chị đủ điều kiện mua nhà để ở ổn định vì tài sản chung anh, chị đã giải quyết chia tiền xong. Thu nhập hàng tháng của chị, lương cơ bản là 6.000.000 đồng/tháng, ngoài ra chị còn bán hàng thêm trên mạng nên cũng tạm đủ khi cùng anh H cấp dưỡng. Hiện tại, anh H đang bán xi măng và kinh doanh quán hát Karaoke. Khi vợ chồng chưa mâu thuẫn, ngoài việc anh đưa cho chị 4-5 triệu/tháng thì anh còn lo toàn bộ việc nhà về tài chính cũng như tiền học của các con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị đã tự giải quyết xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 12/3/2018 và các lời khai bị đơn anh Chu Văn H trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Kim T xây dựng gia đình với nhau năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C nay (là phường C, quận B, thành phố Hà Nội ngày 28/3/1999 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc, thỉnh thoảng có phát sinh mâu thuẫn. Đến năm 2008 thì anh có mắc lỗi với vợ anh và anh đã xin lỗi, chị T đã tha thứ cho anh, sau đó hai vợ chồng chung sống với bình thường. Đến năm 2016 thì anh có mở quán karaoke và cũng có mối quan hệ với người khác,vợ anh phát hiện và đòi chia tay. Anh đã nhiều lần xin lỗi vợ để được tha thứ để về làm lại cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng không được. Trong thời gian mâu thuẫn thì anh chị có nói chuyện với nhau để hàn gắn tình cảm nhưng không được mà mâu thuẫn trở nên gay gắt hơn. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2017 cho đến nay, anh xác

định không có biện pháp gì để cải thiện cuộc sống vợ chồng. Nay, chị T xin ly hôn, về tâm anh không đồng ý ly hôn nhưng nếu chị T quyết tâm muốn ly hôn anh thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung là cháu Chu Minh H sinh ngày 25/12/2000, cháu Chu Minh A sinh ngày 11/5/2011 và cháu Chu Đức A sinh ngày 21/9/2013 như chị T khai là đúng. Nếu anh chị ly hôn, anh xin nuôi 01 cháu nhỏ, còn cháu lớn ở với ai cũng được, nếu cháu lớn muốn ở với anh thì anh cũng nuôi. Nếu anh được nuôi cả 03 cháu hoặc hai cháu thì anh cũng không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh đang làm nghề tự do, kinh doanh xi măng và mở quán hát, thu nhập hàng tháng khoảng 10.000.000 đồng/tháng. Do anh làm tự do nên anh không có bảng lương hay xác nhận thu nhập để nộp cho Tòa án. Hiện nay, anh đang thuê nhà ở vì hai vợ chồng anh vừa bán nhà nên chưa mua được nhà, lúc thì anh ở cửa hàng kinh doanh xi măng, lúc thì anh ở nhà bố mẹ anh ở phường C. Bản thân anh khi vợ chồng chưa mâu thuẫn, anh vẫn lo kinh tế trong gia đình.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị đã tự giải quyết xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn với anh Chu Văn H. Về con chị vẫn xin được nuôi cả 03 con chung và yêu cầu anh Chu Văn H cấp dưỡng nuôi con 8.000.000 đồng/tháng. Chị không yêu cầu giải quyết về tài sản.

- Bị đơn anh Chu Văn H giữ nguyên ý kiến về việc không muốn ly hôn với chị T, nhưng nếu chị T quyết tâm xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa giải quyết ly hôn. Về con chung, anh vẫn xin được nuôi 01 cháu nhỏ, còn cháu lớn ở với ai anh cũng đồng ý. Nếu cháu ở với anh thì anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Anh không đồng ý việc chị T xin nuôi cả 3 con và yêu cầu anh cấp dưỡng 8.000.000đ/tháng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm đưa vụ án ra xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim T đối với anh Chu Văn H. Cho chị T được ly hôn với anh H. Về con chung: Giao cháu Chu Minh H sinh ngày 25/12/2000, cháu Chu Minh A sinh ngày 11/5/2011 cho anh Chu Văn H trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Chu Đức A sinh ngày 21/9/2013 cho chị Nguyễn Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Chu Văn H đăng ký kết hôn ngày 28/3/1999 tại UBND xã C, huyện T, thành phố Hà Nội (nay là UBND phường C, quận B, Hà Nội) trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu, không bị ép buộc, do đó đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã C (nay là phường C, quận B, thành phố Hà Nội).

Ngày 29/12/2017, chị Nguyễn Thị Kim T có đơn xin ly hôn anh Chu Văn H. Cả anh H và chị T đều có địa chỉ tại phường C, quận B, thành phố Hà Nội nên yêu cầu của chị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

[2] **Về nội dung:**

- Về tình cảm: Sau khi kết hôn vợ chồng anh, chị chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng 09 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị T, anh H khai thì vợ chồng mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, anh H có quan hệ ngoài luồng với người khác, không chung thủy. Anh, chị cũng đã nhiều lần cho nhau cơ hội để vun đắp hạnh phúc gia đình, khắc phục mâu thuẫn nhưng kết quả không thành mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, đỉnh điểm là vào khoảng đầu năm 2017 chị T phát hiện anh H vẫn tiếp tục có mối quan hệ với người khác. Việc anh H không chung thủy có quan hệ với người khác chị không yêu cầu truy tố về hình sự. Bản thân chị T đã khuyên giải nhiều lần nhưng không được và vợ chồng ly thân từ tháng 10/2017 cho đến nay, mỗi người sống một nơi, vợ chồng không còn khả năng hàn gắn. Thực tế anh chị đã giải quyết chia tài sản chung xong nên việc hàn gắn cuộc sống vợ chồng lại càng trở lên khó khăn hơn.

Tổng hợp các lời khai, chứng cứ mà các đương sự nêu ra và căn cứ vào kết quả xác minh tại nơi cư trú, tài liệu đương sự cung cấp và các tài liệu khác có trong quá trình thu thập chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án, HĐXX nhận thấy: mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Kim T và anh Chu Văn H là có thật, đã thực sự trầm trọng và kéo dài. Mục đích hôn nhân giữa các đương sự không đạt được. Vì vậy việc chị T có đơn xin ly hôn đối với anh H là có căn cứ, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim T.

- Về con chung: Anh chị có 03 con chung là cháu Chu Minh H sinh ngày 25/12/2000, cháu Chu Minh A sinh ngày 11/5/2011 và cháu Chu Đức A sinh ngày 21/9/2013. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng nuôi cả ba cháu và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con 8.000.000 đồng/tháng. Anh H có nguyện vọng nuôi 01 cháu nhỏ và không yêu cầu chị T cấp dưỡng, nếu cháu lớn ở với anh thì anh cũng nuôi và vẫn không

yêu cầu chị T cấp dưỡng. Hội đồng xét xử thấy: nguyện vọng nuôi con của chị T và anh H đều chính đáng, đây là nguyện vọng chính đáng của những người làm cha làm mẹ.. Song việc giao con cho ai nuôi dưỡng là phải xem xét đến nguyện vọng của các con và điều kiện nuôi dưỡng chăm sóc của người trực tiếp nuôi dưỡng các cháu. Chị T hiện đang là giáo viên tại trường P có thu nhập khoảng 6.000.000đ/tháng. Anh H, kinh doanh tự do, thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/tháng. Cháu H có nguyện vọng ở với anh H, cháu MA có nguyện vọng ở với cả bố và mẹ. Do đó nên giao hai con là cháu Chu Minh H và Chu Minh A cho anh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu Chu Đức A cho chị T trực tiếp chăm nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào là phù hợp với quy định của pháp luật và không trái với đạo đức cũng phù hợp với nguyện vọng của hai cháu.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5, điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim T đối với anh Chu Văn H. Cho chị Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với anh Chu Văn H.

2. Về con chung: Anh chị có 03 con chung. Giao cháu Chu Minh H sinh ngày 25/1/2000 và cháu Chu Minh A sinh ngày 11/5/2011 cho anh Chu Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Chu Đức A sinh ngày 21/9/2013 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ, chăm sóc và giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị T đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai số AB/2014/05934 ngày 06/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm, được chuyển thành án phí.

Án xử công khai sơ thẩm. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Bắc Từ Liêm;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Chi cục THADS quận Bắc Từ Liêm;
- UBND phường C;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

Đỗ Thị Thúy Hạnh

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND Thành phố HN.
- VKS Từ Liêm, VKS Hà Nội.
- Cơ quan Thi hành án Từ Liêm.
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.
- Lưu văn phòng.

Đỗ Thị Thuý Hạnh